

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP TÔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI NĂM 2019**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC – IDS Plus)
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX – CIMS)
- Cổ đông Công ty CP Tổng Cty May Đồng Nai (Web Cty)

Công ty: CÔNG TY CP TÔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI – DONAGAMEX

Mã chứng khoán: MDN.

Trụ sở chính: Đường số 2, Khu CN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 0251. 3836151 / 3836271 Fax: 0251. 3836141

Người thực hiện công bố thông tin: Ông BÙI THẾ KÍCH - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Đường số 2, Khu CN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0813933368 / 0251.3835748

Loại thông tin công bố: 24h, 72h, yêu cầu, bất thường, định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

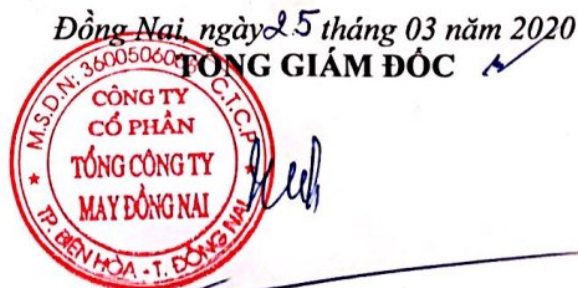
Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai công bố toàn văn Báo cáo Thường niên của Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai năm 2019, số: *110* /MDN-BCTN được đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai ký ngày *25*... /03/2020.

Chi tiết Báo cáo Thường niên - năm 2019 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.donagamex.com.vn – mục “Quan hệ cổ đông” và được công bố thông tin trên hệ thống CIMS – HNX và IDS Plus – SSC theo quy định, đề quý Cổ đông và các bên liên quan tham khảo.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tập đoàn Vinatex;
- Đăng Website (3 nơi);
- Lưu VT, TCKT, TK.HDQT.



Bùi Thế Kích

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DONAGAME[®]

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI
(Số: 110/MĐN-BCTN)

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: *MDN* /MDN-BCTN

Đồng Nai, ngày *25* tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI**
Năm báo cáo: **2019**

(Theo Mẫu: Phụ lục-04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI
- Giấy CNĐK.DN số : 3600506058
- Vốn điều lệ : 109.355.840.000 đồng.
- Vốn đầu tư của CSH : 109.355.840.000 đồng.
- Địa chỉ : Đường số 2- Khu CN Biên Hoà 1 - Tp. Biên Hoà – Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (+84.251). 3836151 /3836271
- Fax : (+84.251). 3836141
- E-mail : donagamex@donagamex.com.vn
- Website : www.donagamex.com.vn
- Mã cổ phiếu : MDN

2. Quá trình hình thành và phát triển:

CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai tiền thân là Quốc tế sản xuất Y Trang – International Garment Manufacturer (“IGM”) ra đời vào năm 1974.

Tháng 5/1975 Quốc tế sản xuất Y Trang được tiếp quản và đổi tên là Nhà máy quốc tế Y Trang.
Ngày 05/9/1977 Tổng cục Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số: 673/CNn-TSQL chuyển đổi sở hữu Nhà máy quốc tế Y Trang với tên gọi mới là Xí nghiệp May Đồng Nai.

Ngày 22/6/1992 Bộ Công Nghiệp nhẹ ra Quyết định số 491/CNn-TCLĐ nâng cấp Xí nghiệp May Đồng Nai thành Công ty May Đồng Nai.

Ngày 24/4/1993 Bộ Công Nghiệp Nhẹ ra quyết định số: 415/ CNn - TCLĐ thành lập Công ty May Đồng Nai - Thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp May Việt Nam.

Ngày 29/4/1995 Công ty May Đồng Nai là thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (“VINA EX”) – Nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 253/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 25/5/2001 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 640/QĐ-TTg chuyển Công ty May Đồng Nai thành Công ty cổ phần May Đồng Nai.

Ngày 13/8/2001 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần May Đồng Nai.

Ngày 29/6/2007 Công ty chính thức là Công ty đại chúng thứ 455 được đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mức vốn điều lệ là 13 tỷ đồng, đến nay là: 109,35 tỷ đồng.

Tổng Công ty May Đồng Nai là thành viên Tập đoàn Vinatex, (theo Hợp đồng mới nhất số: 296/HĐ-TĐDMVN, ngày 04/01/2011, hiệu lực đến 31/12/2015).

Kể từ ngày 01/7/2010, Công ty CP May Đồng Nai chính thức hoạt động theo mô hình Tổng Công ty với tên gọi mới Công ty CP Tổng Công ty May Đồng Nai theo Quyết định số 278/QĐ-ĐHCD ngày 29/6/2010 và Giấy CN.ĐKKD sửa đổi lần 6, số 3600506058.

Ngày 16/11/2018 cổ phiếu MDN chính thức giao dịch trên sàn Upcom theo Quyết định số 708/QĐ-SGDHN của Sở GD chứng khoán Hà Nội (HNX) ngày 08/11/2018.

* Các sự kiện khác: Không.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất hàng may sẵn -1322; May trang phục - 1410; Cho thuê nhà, xưởng, kho bãi, nhà ở - 6810; Bán buôn máy móc thiết bị phụ tùng ngành dệt may, máy móc thiết bị phụ tùng sản xuất vải không dệt, máy móc thiết bị y tế, máy móc thiết bị phụ tùng ngành in - 4659; Bán buôn hàng may mặc, vải không dệt, các sản phẩm của ngành dệt may - 4641; Bán buôn giấy, vở, bìa carton, bao bì nhựa, bao bì giấy, nguyên liệu sản xuất giấy và sản xuất bao bì giấy, hạt nhựa và nguyên liệu sản xuất bao bì nhựa - 4669; Sản xuất vải (dùng) không dệt - 1321 ; in ấn - 1811 và dịch vụ liên quan đến in - 1812; Trồng rừng và chăm sóc rừng - 0210 và trồng trọt, chăn nuôi - từ mã 0121 - 0163.

- Địa bàn kinh doanh (theo các địa điểm cơ sở kinh doanh đã đăng ký):

+ Trụ sở chính Tổng Công ty và Khu A: Đường số 2, Khu CN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai.

+ Khu B: Đường Nguyễn Ái Quốc, Kp.1, P. Trảng Dài, Tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai.

+ Công ty Đồng Xuân Khánh: K1814+500, Quốc lộ 1A, ấp Nông Doanh, xã Xuân Định, h. Xuân Lộc, t. Đồng Nai.

+ Công ty Đồng Minh Lộc: K1836+800, Quốc lộ 1A, ấp Hưng Nhơn, xã Hưng Lộc, h. Thống Nhất, t. Đồng Nai.

+ Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Số nhà AA 7, Thất Sơn, Cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

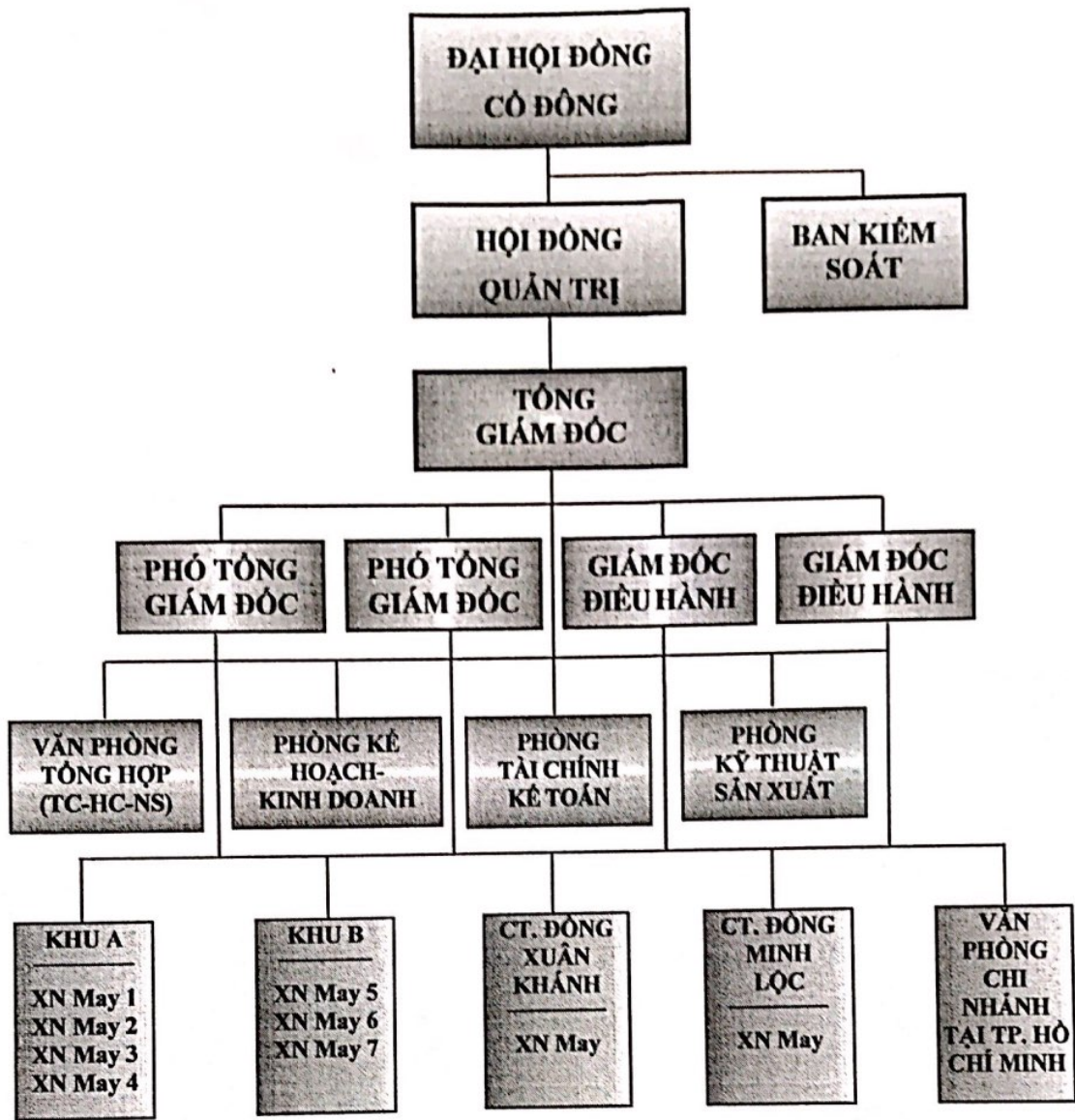
CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng chưa niêm yết, cổ phiếu mới chỉ đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, hiện Nhà nước (Tập đoàn Vinatex) nắm giữ 25,7% vốn điều lệ.

- Tổng Công ty đã hoạt động với mô hình công ty mẹ - con và thành viên liên kết, bao gồm cả thành viên hạch toán độc lập và thành viên hạch toán phụ thuộc.

- Các công ty con, công ty liên kết (hạch toán độc lập):

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ thực góp (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của May ĐN (%)
1	CTCP May Định Quán (Cty con)	K116 – Q/lộ 20, xã Phú Lợi, h.Định Quán, t.ĐN	Sản xuất hàng may mặc	15	53,33
2	CTCP Đồng Bình (Cty Con)	Thị trấn Gia Bình, h. Gia Bình, t. Bắc Ninh	Hàng may sẵn, trang phục...	18	59,17
3	CTCP Đồng Xuân Lộc (Cty con)	K1783 – Q/lộ 1A, xã Xuân Hưng, Xuân Lộc, ĐN	Sản xuất hàng may mặc	18	60,31
4	CTCP Đồng Minh Phú (Cty L.kết)	Đường 2, Khu CN BH 1, Biên Hòa, ĐN	Thêu, ép, cắt laser...	1,5	30,00
5	CTCP Đồng Việt Phú (Cty L.kết)	Đường 2, Khu CN BH 1, Biên Hòa, ĐN	Vải không dệt, túi xách...	20	19,75

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Theo Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty mẹ như sau đây:



5. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

- Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 5 năm có mức bình quân hàng năm (GTSXCN, Doanh thu) từ 10 - 15%.
- Hiệu quả SXKD hàng năm duy trì có lợi nhuận tích lũy, bảo toàn và phát triển vốn.
- Hoạt động theo mô hình Tổng Công ty hiệu quả, đạt doanh thu hàng năm trên 1000 tỷ đồng.
- Tập trung đầu tư mở rộng tại Cụm CN Hưng Lộc do Tổng Công ty làm chủ đầu tư.
- Đảm bảo hài hòa 4 lợi ích: Mức thu nhập bình quân người lao động đủ để đáp ứng cuộc sống của bản thân và một người phụ thuộc; mức chi cổ tức cho cổ đông cao hơn mức gửi tiết kiệm Ngân hàng; đóng góp ngân sách Nhà nước đúng quy định; duy trì lợi nhuận tích lũy để gia tăng giá trị cổ phiếu và phát triển Tổng Công ty bền vững.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Về ngành nghề kinh doanh: Tiếp tục kinh doanh ngành may mặc làm nền tảng, trên cơ sở:
 - + Tập trung tối đa cho phương thức kinh doanh hàng xuất khẩu bán đứt (FOB), tiến tới thực hiện chuỗi giá trị may mặc ODM, trong đó dần chủ động phát triển trước ODM nội địa, đồng thời linh động trong việc thực hiện hợp đồng gia công xuất khẩu.

+ Đầu tư nâng cấp và đổi mới công nghệ cho các khu sản xuất hiện hữu tại Biên Hòa.

- Phát triển thành Tổng Công ty kinh doanh đa ngành nghề, trên cơ sở:

+ Chuyển hướng dần sang công nghiệp dịch vụ, chuyển hướng sang kinh doanh khu đô thị, thương mại tại Khu A ở Biên Hòa khi chuyển đổi công năng Khu CN Biên Hòa I và Khu B tại Phường Trảng Dài, Tp. Biên Hòa.

+ Phát triển Tổng Công ty thông qua việc thành lập các Công ty con hoặc liên kết hạch toán độc lập tại mỗi khu sản xuất để chủ động tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

+ Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành may mặc và các ngành công nghiệp sản xuất khác sử dụng ít nhân lực.

+ Tiếp tục phát triển Cụm Công nghiệp Hưng Lộc – II. Thống Nhất, diện tích 40 Ha và có phương án mở rộng thành Khu CN khi có điều kiện thuận lợi.

- Về thị trường: Giữ vững về 3 thị trường xuất khẩu: Nhật bản, Hoa Kỳ và EU; mở rộng sang thị trường Hàn Quốc và Trung Quốc; đồng thời, quan tâm phát triển thị trường nội địa.

- Về nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp: Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, giỏi, làm việc theo phong cách quản lý hiện đại kết hợp và kế thừa đội ngũ quản lý có kinh nghiệm; áp dụng các biện pháp quản lý mới, tinh gọn, hiệu quả; duy trì hệ thống quản lý về cơ bản và liên tục cải tiến để phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Về chính sách đối với người lao động: Cải cách mạnh về chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; tăng cường thực hiện kỷ luật lao động.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng Công ty:

Tổng Công ty đặt mục tiêu: phát triển doanh nghiệp toàn diện, bền vững, có đời sống văn hóa doanh nghiệp tốt thông qua việc phát triển Tổng Công ty phải gắn liền với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, làm công tác xã hội từ thiện, cùng chung tay phát triển cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Năng suất thấp hoặc năng suất tăng nhưng không theo kịp tốc độ tăng chi phí đầu vào (như: nhân công, nguyên phụ liệu, điện, nhiên liệu, xuất nhập khẩu, chi phí vốn khác...) dẫn đến tỷ lệ suất sinh lời trong ngành nghề kinh doanh chính là may mặc của Tổng Công ty sẽ giảm.

- Nguyên phụ liệu chính hầu như phụ thuộc vào nhập khẩu, làm doanh nghiệp không chủ động nguồn hàng, khó có thể tận dụng được các ưu đãi trong các hiệp định thương mại tự do với các nước.

- Chính sách thay đổi thường xuyên và thực tế áp dụng thiếu đồng bộ, chông chéo, thủ tục phức tạp, kéo dài... ảnh hưởng lớn đến tiến độ đầu tư và cơ hội kinh doanh.

- Cạnh tranh trong ngành may mặc ngày càng gay gắt không chỉ đối với doanh nghiệp trong nước mà còn đối mặt trực tiếp với các doanh nghiệp FDI có lợi thế nhiều về tài chính, nguồn hàng, trình độ quản lý, kể cả các biện pháp chuyển giá ra ngoài nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2019: Kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm qua so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu cùng kỳ năm trước như sau:

Stt	Chỉ tiêu	DVT	Công ty Mẹ 2019	So sánh (%)		Hợp nhất TCty 2019	So sánh (%)	
				KH	2018		KH	2018
1	Doanh thu	Tỷ Đ	986	116	117	1087	109	114
2	Lợi nhuận	Tỷ Đ	27	23	111	37	123	116
3	Khấu hao	Tỷ Đ	17,30	102	105	25,89	92	102
4	Đầu tư	Tỷ Đ	10,36	12	21	13,34	14	24
5	Tổng TS	Tỷ Đ	495,13	105	109	519,43	102	106
6	Vốn ĐL	Tỷ Đ	109,36	100	100	109,36	/	/
7	Chi cổ tức	Tỷ Đ	13,12	100	100	/	/	/
8	Tỷ lệ cổ tức	%	12,00	100	100	/	/	/
9	Chi lương	Tỷ Đ	104,52	94	88	196,26	93	91
10	LĐ.BQ	Người	933	85	77	1851	84	80
11	TN.BQ	TrĐ/N/T	9,34	111	114	8,84	111	115
12	Nộp NS	Tỷ Đ	7,39	/	106	28,25	/	127
13	Chi Quỹ KT-PL	Tỷ Đ	2,79	/	112	3,12	/	/
14	Trích BHXH	Tỷ Đ	15,6	87	81	30,4	92	89

* Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua:

+ Doanh thu Công ty Mẹ tăng 17% so cùng kỳ, hợp nhất tăng 14% so cùng kỳ, và hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản hợp nhất tăng từ 1,93 lên 2,09 lần; mức tăng trưởng đáng kể của Tổng Công ty trong tình hình khó khăn do cạnh tranh gay gắt và tình hình lao động biến động giảm.

+ Hoạt động đầu tư chỉ đạt 14% kế hoạch và 24% cùng kỳ so cùng kỳ do đầu tư vào dự án Cụm CN Hưng Lộc vẫn còn vướng mắc về bồi thường và giải phóng mặt bằng, chủ yếu đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị tự động.

- Về chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh đều tăng mạnh so với cùng kỳ, như:

+ Lợi nhuận hợp nhất tăng 23% so kế hoạch và tăng 16% so cùng kỳ.

+ Thu nhập bình quân đầu người hợp nhất cũng tăng 11% so kế hoạch và tăng 15% là do năng suất lao động đã cải thiện từ việc đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị chuyên dùng, tự động hóa.

+ Chi cổ tức công ty mẹ là 12% VDL, bằng 13,12 tỷ đồng, bằng với tỷ lệ 2018.

+ Nộp ngân sách hợp nhất tăng 27% so cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Bùi Thế Kịch	CT/TGD	1963	ĐH. Kinh tế	AA7-Thất Sơn, P.15, Q.10, Tp.HCM	2.810.808	25,7%	- Đ/d vốn NN
						2.354.682	21,5%	- Vốn cá nhân
2	Vũ Đức Dũng	TV.HDQT/P.TGD	1969	Kỹ sư cơ khí/ ĐH. Kinh tế	662/2A Sư Vạn Hạnh, P.12 Q.10 Tp.HCM	509.515	4,66%	Bỏ nhiệm lại Th5/17
3	Nguyễn Thị Bích Thủy	TV.HDQT/P.TGD	1970	ĐH. QTKD	192/2, Kp4, Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai	125.506	1,15%	Bỏ nhiệm lại Th1/20
4	Nguyễn Thanh Hoài	TV.HDQT/GĐDDH/IP.KTSX	1974	Kỹ sư CN. May /ĐH. K.tế	16, Đường 25, KP2, P. Bình Trưng Tây, Q.2 Tp.HCM	92.163	0,8%	Bỏ nhiệm lại Th5/17

5	Trần Văn Khang	GDDH/ TGD	1961	Kỹ sư May và Thời trang	Tổ 6 – P. Sài Đông, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội	0	0%	Bổ nhiệm mới Th5/18
---	----------------	--------------	------	-------------------------------	--	---	----	------------------------

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2019 vừa qua không có sự thay đổi về nhân sự trong ban điều hành.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số lao động bình quân trong năm 2019 là: 933 người = 77% cùng kỳ (hợp nhất 1851 người = 80% cùng kỳ).

+ Công nhân trực tiếp sản xuất hợp nhất là: 1.590 người = 86% tổng lao động.

- Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Công nhân trực tiếp SX hưởng lương sản phẩm (riêng Công ty Đồng Minh Lộc hưởng lương thời gian), công nhân viên gián tiếp phục vụ hưởng lương thời gian, căn cứ theo kết quả doanh thu SXKD hàng tháng.

* Thay đổi trong năm 2019: Về cơ bản, không có thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Tổng mức đầu tư theo kế hoạch năm 2019 được Đại hội cổ đông thông qua là 90 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm qua các khoản đầu tư của Tổng Công ty chỉ khoảng 10,35 tỷ đồng, cụ thể như sau:

+ Trong năm Tổng Công ty không đầu tư tài chính vào các đơn vị nào.

+ Tổng Công ty tăng cường đầu tư máy móc thiết bị hiện đại cho các đơn vị sản xuất hiện hữu để tăng năng suất với tổng giá trị đầu tư khoảng: 10 tỷ đồng.

+ Đầu tư dự án đầu tư Cụm CN Hưng Lộc vẫn còn vướng mắc về giá bồi thường nên trong năm 2019 chỉ chi trả 355 triệu đồng.

3.2. Kết quả kết quả SXKD Các công ty con, công ty liên trong năm 2019 như sau:

- Công ty cổ Phần May Định Quán được thành lập từ tháng 07/2013 vốn điều lệ 15 tỷ đồng, Tổng Công ty góp vốn 8 tỷ đồng (53,33%). Doanh thu năm 2019 đạt 69,79 tỷ đồng (bằng 108% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt 5,18 tỷ đồng (bằng 165% cùng kỳ), khấu hao 2,32 tỷ đồng (bằng 66% cùng kỳ), chia cổ tức cho cổ đông 25% (năm 2018 chia cổ tức 18%). Công ty đã hoạt động ổn định và đang phát triển sản xuất may mặc.

- Công ty CP Đông Bình, thành lập từ tháng 02/2007, tổng vốn điều lệ là: 18 tỷ đồng, Tổng Công ty góp vốn 10,650 tỷ đồng (59,17%). Doanh thu năm 2019 đạt 103,9 tỷ đồng (bằng 100% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt 2,41 tỷ đồng (bằng 123% cùng kỳ); khấu hao 4,92 tỷ đồng (bằng 95% cùng kỳ), chia cổ tức cho cổ đông 10% (bằng mức năm 2018), Tổng Công ty được nhận cổ tức bằng 1,065 tỷ đồng (vào tháng 01/2020). Công ty đã hoạt động ổn định trong ngành may mặc và đang phát triển sản xuất, kinh doanh hàng may mặc.

- Công ty CP Đồng Xuân Lộc, thành lập từ tháng 7/2016, tổng vốn điều lệ là: 18 tỷ đồng, Tổng Công ty góp vốn 10,856 tỷ đồng, (60,31%). Doanh thu năm 2019 đạt 21,45 tỷ đồng (bằng 88% cùng kỳ), lỗ 1.1 tỷ đồng (lỗ lũy kế đến năm 2019: 5,46 tỷ đồng, 2018 là 4,35 tỷ), khấu hao 3,56 tỷ đồng (bằng 89% cùng kỳ). Công ty vẫn đang hoạt động ngành may mặc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn do biến động giảm lao động.

- Công ty CP Đồng Minh Phú, thành lập từ tháng 09/2009, tổng vốn điều lệ là: 1,5 tỷ đồng, Tổng Công ty góp vốn 450 triệu đồng (30%). Doanh thu năm 2019 đạt 13,36 tỷ đồng (bằng 130% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt: 509 triệu đồng (bằng 130% cùng kỳ), khấu hao 809 triệu đồng (bằng 82%), chia cổ tức cho cổ đông 25% (năm 2018 là 20%). Công ty hoạt động ổn định trong ngành thêu, chần gòn, cắt – ép laser và sản xuất nhựa định hình.

- Công ty CP Đồng Việt Phú, thành lập từ tháng 06/2011, với tổng vốn điều lệ 20 tỷ đồng, Tổng Công ty góp vốn 3,95 tỷ đồng (19,75%). Doanh thu năm 2019 đạt 109 tỷ đồng (bằng 143% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế: 8,54 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 1,48 tỷ đồng), khấu hao 1,86 tỷ đồng (bằng 91% cùng kỳ), trong năm 2019 tiếp tục không chia cổ tức. Công ty đã có kết quả tích cực trong năm 2019 mặc dù vẫn còn những khó khăn trong hoạt động do phải cạnh tranh gay gắt và dần khắc phục được khoản lỗ do tài sản thiếu chờ xử lý từ trước, Công ty vẫn đang ổn định sản xuất kinh doanh vài không dệt.

4. Tình hình tài chính năm 2019

4.1.a Tình hình tài chính riêng (Theo BCTC Công ty mẹ - đã kiểm toán):

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	453.997.462.743	495.131.232.393	109%
2. Doanh thu thuần	845.018.622.943	986.180.539.131	116%
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/doanh	2.241.750.962	25.680.677.846	1145%
4. Lợi nhuận khác	22.054.993.049	1.329.641.355	6%
5. Lợi nhuận trước thuế	24.296.744.011	27.010.319.201	111%
6. Lợi nhuận sau thuế	19.570.076.236	21.408.145.097	109%

4.2.a Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,09	1,11	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,89	0,91	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,62	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,50	1,64	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho BQ	16,88	17,04	Lần
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,86	1,99	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/ DT thuần	2,31	2,17	%
+ LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	10,76	11,42	%
+ LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,31	4,32	%
+ LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,26	2,6	%
+ LN sau thuế/ Vốn điều lệ	17,89	19,57	%

4.1.b. Tình hình tài chính hợp nhất (Theo BCTC hợp nhất - đã kiểm toán):

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	488.373.242.851	519.428.039.520	106%
2. Doanh thu thuần	947.366.803.656	1.087.303.450.881	115%
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/doanh	9.246.501.712	35.458.586.423	383%
4. Lợi nhuận khác	22.783.451.813	1.519.838.507	7%
5. Lợi nhuận trước thuế	32.029.953.525	36.978.424.930	115%
6. Lợi nhuận sau thuế	24.983.149.534	28.994.598.841	116%

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1981	2319	117%
-----------------------------------	------	------	------

4.2.b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,08	1,13	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,86	0,93	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,61	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,56	1,58	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Doanh thu thuần / Hàng tồn kho	15,73	17,38	Lần
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,94	2,09	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/ DT thuần	2,64	2,67	%
+ LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	13,09	14,4	%
+ LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	5,11	5,58	%
+ LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,98	3,26	%
+ LN sau thuế/ Vốn điều lệ	22,84	26,51	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 10.935.584 cổ phần.
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2019 : 109.355.840.000 đồng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- 01 Cổ đông Nhà nước: Tập đoàn dệt may Việt Nam – Vinatex nắm giữ: 2.810.808 cổ phần, tương ứng 25,7% vốn điều lệ.
- 90 Cổ đông là cá nhân khác nắm giữ: 8.124.776 cổ phần, tương ứng 74,3% vốn điều lệ.
- Trong đó: 05 Cổ đông lớn nắm giữ: 4.724.686 cổ phần, tương ứng 43,2% vốn điều lệ.
- Không có cổ đông nước ngoài.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ trong năm 2019 không tăng, vẫn giữ nguyên là: 109.355.840.000 đồng.
- Trong năm 2019 không phát hành trái phiếu và cổ phiếu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty trong năm qua: Nguyên liệu chính là vải các loại với ước tính tiêu thụ khoảng 8,25 triệu m² vải các loại (tăng 15% so cùng kỳ).
- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng Công ty: Không đáng kể, chủ yếu vật liệu đóng gói.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm: 2.192.384 Kw, bằng 86% so với cùng kỳ; tổng trị giá chi phí điện là: 4,3 tỷ đồng.

- Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ cho các phương tiện vận tải: 90.367 lít xăng dầu các loại, bằng 80% cùng kỳ, trị giá chi phí tiêu thụ: 1,4 tỷ đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm: 25.405 m³, bằng 64% so với cùng kỳ; tổng trị giá chi phí nước là: 273 triệu đồng. Toàn bộ nước sử dụng là nước dùng cho sinh hoạt không tiêu thụ nước cho các quy trình sản xuất công nghiệp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 triệu đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: 1851 người (bằng 80% so cùng kỳ), mức lương trung bình đối với người lao động: 8.840.000 đồng/ người/ tháng, bằng 115% so cùng kỳ.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn TNXH, An toàn sức khỏe của khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế SA 8000, FLA, FSCAP... Tổng Công ty đã được cấp Chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế về TNXH - SA 8000 và WRAP của Hoa Kỳ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Chủ yếu đào tạo công nhân may công nghiệp với số lượng khoảng 601 lượt người tuyển dụng trong năm 2019 (=76% cùng kỳ), mỗi người đào tạo khoảng từ 3 tháng (3 tháng x 208 giờ = 624 giờ x 601 người = 375.024 giờ), tính theo mức lương tối thiểu vùng 4.180.000 đồng/ tháng thì tổng chi phí đào tạo đạt khoảng 7,53 tỷ đồng (bằng 80% so cùng kỳ).

- Đào tạo và huấn luyện về công tác an toàn, PCCC, vệ sinh lao động, môi trường... theo quy định của pháp luật và theo các tiêu chuẩn quản lý về TNXH trong Tổng Công ty.

- Ngoài ra, có các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp đối với cán bộ, công nhân viên khối gián tiếp phục vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2019 Tổng Công ty có các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, như:

Chi hỗ trợ chăm lo đời sống CBCNV gồm khen thưởng, quà tặng các dịp lễ tết và thưởng hoàn thành kế hoạch là: 1,19 tỷ đồng; chi từ quỹ phúc lợi làm công tác xã hội từ thiện 185 triệu đồng và tiếp tục phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ VNAH tại huyện Nhơn Trạch và Xuân Lộc.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Hiện Tổng Công ty chưa tham gia cũng như chưa thụ hưởng được nguồn vốn từ thị trường vốn xanh theo các đề án của UBCK Nhà nước.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty:

Năm 2019 Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận: Doanh thu tăng 14,8%, lợi nhuận tăng 23% so kế hoạch. So với cùng kỳ: Doanh thu tăng 14%, lợi nhuận tăng 16%. Trong năm qua Tổng Công ty có những thuận lợi như: Vẫn có khách hàng và thị trường truyền thống của Tổng Công ty từ Nhật, Mỹ, EU và thị trường Hàn Quốc, Trung Quốc. Đặc biệt, tỷ lệ lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc đã tăng mạnh (LN hợp nhất TT tăng từ 9,2 tỷ lên 35,4 tỷ). Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tích cực. Tuy vậy, năm 2019 vẫn là năm có nhiều khó khăn như: Tình hình lao động biến động giảm (giảm 20%); nguồn hàng, đơn hàng nhỏ lẻ và áp lực giảm giá gia công (CM) của khách hàng; trong khi năng suất lao động của Tổng Công ty vẫn thấp so với doanh nghiệp bạn trong ngành; việc đầu tư mở rộng hiệu quả chưa cao.

1.2. Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Vẫn duy trì được doanh thu tương đối cao và có lợi nhuận để đảm bảo lợi ích cho cổ đông như: Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 2319 đồng/ cổ phiếu (bằng 117% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 14%, với mức chi cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt là 12%.

- Thu nhập bình quân người lao động tăng hơn 15% cùng kỳ.

- Tập trung đầu tư chiều sâu (Máy móc thiết bị hiện đại) để tăng năng suất trong điều kiện nguồn lao động biến động giảm mạnh.

- Vẫn giữ được khách hàng lớn và thị trường truyền thống, thị phần xuất khẩu trên doanh thu cho các thị trường Nhật bản đạt 58%, Hoa Kỳ đạt 13%, Châu Âu (EU) đạt 14% và phát triển thêm được thị trường Hàn Quốc và Trung Quốc đạt 12% tổng doanh thu xuất khẩu.

- Một số Công ty con và thành viên đều làm ăn có lãi như: Công ty CP Đồng Minh Phú, Công ty CP Đồng Bình và Công ty CP May Định Quán đều đã chia được cổ tức cho Tổng Công ty. Công ty CP Đồng Việt Phú đã đạt kết quả kinh doanh khá trong năm 2019.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Tổng Công ty hợp nhất là 519,4 tỷ, bằng 106% so cùng kỳ, và tài sản Công ty mẹ là 495 tỷ bằng 109% so cùng kỳ, đều tăng so với cùng kỳ.

Trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 55%, hàng tồn kho tăng 16%. Tài sản ngắn hạn tăng 19% cùng kỳ. Tài sản dài hạn giảm (chỉ bằng 94% cùng kỳ). Trong đó tài sản cố định tăng 25% và tài sản dở dang dài hạn giảm 39%. Các khoản mục khác diễn biến bình thường, thay đổi không đáng kể.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ phải trả hiện tại Công ty mẹ là: 307 tỷ, tăng 13% so cùng kỳ; hợp nhất là 318 tỷ đồng, tăng 7% so cùng kỳ. Trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn. Nợ dài hạn công ty mẹ giảm (bằng 54% so cùng kỳ) và khoản nợ dài hạn hợp nhất giảm (bằng 36% so cùng kỳ).

2.3. Tình hình vốn chủ sở hữu:

- Tổng vốn chủ sở hữu công ty mẹ là 187 tỷ đồng, tăng 3% so cùng kỳ và hợp nhất là 201 tỷ đồng, tăng 5% so cùng kỳ, thể hiện tăng sự tích lũy vốn của Tổng Công ty trong năm qua. Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu thì nguồn lợi nhuận sau thuế hợp nhất chưa phân phối tính đến thời điểm

31/12/2019 là 30 tỷ, do chưa trừ phần tạm ứng cổ tức 12% chi trong tháng 01/2020 và chưa trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Mặt khác, Quỹ đầu tư phát triển hợp nhất đã tích lũy 30,4 tỷ (tăng 18% so cùng kỳ).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, Tổng Công ty không thành lập thêm nhà máy mới và không cổ phần hóa thành lập thêm doanh nghiệp thành viên.

- Bộ máy quản lý và điều hành của Tổng Công ty vẫn duy trì theo hướng tinh gọn và đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành ở cấp Tổng Công ty.

- Hệ thống quản lý về chất lượng, trách nhiệm xã hội, an ninh, an toàn, môi trường vẫn được duy trì cơ bản; tuy nhiên, trong thời gian tới còn nhiều vấn đề cần phải cải tiến, đầu tư và tăng cường tính thực thi nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu đánh giá của khách hàng.

- Sau khi đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom thì hoạt động minh bạch hóa tài chính và công bố thông tin đã được cải thiện; tuy nhiên, trong thời gian tới vẫn cần phải hoàn thiện hơn nữa về các quy chế quản trị Tổng Công ty, quản trị tài chính và hướng tới các phương pháp quản lý hiện đại, hiệu quả cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020 của Tổng Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	DVT	Công ty mẹ	% / Cùng kỳ	Tổng Cty (hợp nhất)	% / Cùng kỳ
1	Doanh thu SXKD	Tỷ Đ	1000	101	1100	101
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	25	92,6	36	97
3	Nộp ngân sách (chỉ thuế TNDN)	Tỷ Đ	5	89,3	7,2	96
4	Tổng chi phí tiền lương	Tỷ Đ	114	109	216	110
5	Lao động bình quân có mặt	Người	1000	107	2000	108
6	Thu nhập bình quân	TrĐ/NT	9,5	101,7	9	101,8
7	Khấu hao cơ bản	Tỷ Đ	17	98	26	100
8	Tổng giá trị đầu tư	Tỷ Đ	50	483	55	438
9	Tổng tài sản	Tỷ Đ	500	101	520	100
10	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	192,5	103	210	104
11	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%	13	90	17	94
12	Chi cổ tức (Cty mẹ 10 - 12%)	Tỷ Đ	13,12	100	/	/
13	Trích Quỹ KT-PL	Tỷ Đ	2,5	125	/	/
14	Trích nộp BHXH	Tỷ Đ	16,45	105	32,7	107

Trong năm 2020 Ban điều hành Tổng Công ty sẽ tập trung vào hoạt động SXKD bằng các giải pháp cụ thể như sau:

Về sản xuất kinh doanh:

- Tập trung mọi biện pháp để tăng năng suất lao động: bố trí hàng hóa ổn định, thuận lợi cho từng đơn vị; chuẩn bị sản xuất và triển khai sản xuất tốt; khai thác hiệu quả máy móc thiết bị hiện đại đã đầu tư; tăng cường kỷ luật lao động.
- Phát động thi đua ngay từ đầu năm để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 và tổ chức khen thưởng hoàn thành kế hoạch kịp thời để động viên khuyến khích thi đua.
- Phát huy các sáng kiến, cải tiến trong lao động sản xuất để tăng năng suất lao động; tổ chức khen thưởng sáng kiến theo hiệu quả từng sáng kiến của tập thể và cá nhân.
- Tập trung và quan tâm đến đánh giá lại hệ thống quản lý theo ISO9000, SA8000 hay WRAP, BSCI, FLA và 6S cho các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục đầu tư vào Cụm Công nghiệp Hưng Lộc và các khu hiện hữu còn nhiều diện tích đất đai, nhà xưởng.

- Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019: Dự kiến kế hoạch chia cổ tức năm 2019 khoảng 12% VDL.

Về tiếp tục chăm lo đời sống người lao động:

- Về chế độ chính sách cho người lao động: Tiếp tục tham gia BHXH, BHYT, BHTN-BNN và BHYT; tiếp tục đối chiếu và mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CNV; tiếp tục chính sách hỗ trợ CNV nghỉ hưu tại Tổng Công ty.
- Tiếp tục tổ chức huấn luyện, đào tạo, nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và chế độ an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Phấn đấu tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người lao động cao hơn năm trước và giảm tối đa việc bố trí làm thêm giờ.
- Cải cách mạnh về tiền lương gắn chặt với hiệu quả SXKD và phù hợp quy định của pháp luật.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, có văn hóa doanh nghiệp và giải quyết đúng quy định về những kiến nghị của người lao động phù hợp với tình hình thực tế TCty, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích TCty và quyền lợi người lao động.
- Phối hợp với công đoàn kiểm soát chặt chẽ chất lượng và ATVSTP suất ăn trưa, đặt thực đơn hàng ngày với nhà ăn để đảm bảo, chăm lo sức khỏe cho CB.CNV.
- Thực hiện đầu tư, cải tạo môi trường làm việc, cảnh quan trong và ngoài khu vực sản xuất.
- Tập trung chăm lo đời sống người lao động vào các dịp lễ tết, dịp cuối năm và Tết nguyên đán về chế độ lương, thưởng và phúc lợi cuối năm.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của TCty:

Tổng Công ty đã từng bước quan tâm tập trung vào các vấn đề: Xây dựng công trình xử lý môi trường (Khu A đã xây dựng), tiết kiệm nguồn nước và duy trì hệ thống SA 8000.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Số liệu cụ thể về kết quả SXKD năm 2019 đã nêu rõ trong Báo cáo toàn diện của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Việc đầu tư trong năm qua cũng được HĐQT cân nhắc bằng việc tập trung đầu tư chiều sâu, trang bị máy móc thiết bị hiện đại đã giúp tăng năng suất lao động. Hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất vào dự án Cụm CN Hưng Lộc vẫn gặp khó khăn ở khâu đền bù giải phóng mặt bằng nên chưa triển khai thực hiện đồng bộ dự án.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh HĐQT đã cùng với Ban điều hành thực hiện các chủ trương giám sát chặt chẽ chi phí, linh hoạt trong điều hành xử lý đơn hàng như làm đa dạng vừa FOB vừa nhận gia công và đưa gia công ngoài, từ đó đem lại hiệu quả SXKD cơ bản khá như (Công ty mẹ): Doanh thu tăng 17%, lợi nhuận tăng 11%; vốn chủ sở hữu tăng 3% cùng kỳ và chi cổ tức đạt 12% trên vốn điều lệ.

* Xét về hoạt động quản trị bảo toàn và phát triển vốn trong năm 2019 đã đạt kết quả sau:

Stt	Chỉ tiêu	DVT	Công ty Mẹ 2019	So sánh (%)		Hợp nhất TCty 2019	So sánh (%)	
				KH	2018		KH	2018
1	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	21,4	/	109	29	/	116
2	Khấu hao	Tỷ Đ	17,3	102	105	25,9	92	102
3	Đầu tư	Tỷ Đ	10,36	12	21	13,34	14	24
4	Tổng Tài sản	Tỷ Đ	495	105	109	519	102	106
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	187	/	103	201	/	105

6	Chi cổ tức (12%)	Tỷ D	13,12	100	100	/	/	/
---	------------------	------	-------	-----	-----	---	---	---

* Đánh giá những điểm nổi bật trong năm qua:

- Duy trì hoạt động SXKD có hiệu quả trong ngành dệt may.
- Bảo toàn, tích lũy và phát triển vốn cho cổ đông.
- Thu nhập bình quân người lao động tăng.
- Đầu tư có trọng tâm, hiệu quả và có nhiều cơ hội tốt cho phát triển.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty

Hiện nay, Ban điều hành gồm có: 01 Tổng Giám đốc do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm và 01 Phó Tổng Giám đốc thường trực là Thành viên HĐQT kiêm nhiệm; 01 Phó Tổng Giám đốc sản xuất (trước là Giám đốc điều hành, mới bổ nhiệm từ tháng 01/2020) là Thành viên HĐQT kiêm nhiệm; 01 Giám đốc điều hành về kỹ thuật đều là Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và 01 Giám đốc điều hành phụ trách hoạt động của Tổng Công ty tại phía Bắc.

HĐQT đánh giá cao thành tích của Ban điều hành đã tuân thủ nghị quyết HĐQT và linh hoạt, quyết đoán trong điều hành kinh doanh, từ đó đem lại hiệu quả SXKD hài hòa giữa các bên lợi ích, như về lợi nhuận, khấu hao cơ bản, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập bình quân người lao động đều tăng và dự kiến vẫn trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo điều lệ.

HĐQT đã giám sát và chỉ đạo rất chặt chẽ đối với lãnh đạo Phòng Tài chính Kế toán để thực thi công tác hạch toán kế toán nhanh và quản lý tài chính minh bạch, đúng pháp luật và điều lệ, đảm bảo bảo toàn và phát huy nguồn vốn, nguồn quỹ, hạn chế tối đa nợ khó đòi, linh hoạt trong xử lý các khoản nợ của khách hàng. Các cán bộ quản lý và các đơn vị chức năng khác trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ sản xuất kinh doanh có nhiều cố gắng, nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ chung.

HĐQT luôn chỉ đạo Ban điều hành và các đơn vị sắp xếp tinh gọn bộ máy, giảm lao động gián tiếp phục vụ nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Tài chính của Tổng Công ty trong sự kiểm soát và an toàn, qua kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020 có nhiều cơ hội khi hiệp định EVFTA được ký và có hiệu lực và tình hình thị trường Mỹ, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc, Trung Quốc kỳ vọng tiếp tục gia tăng sức tiêu thụ; tiềm năng SXKD của ngành may mặc vẫn còn phát triển. Mặc khác điều kiện phát triển thị trường trong nước còn nhiều tiềm năng... nên những thời cơ này sẽ là thuận lợi cho Tổng Công ty phát huy thế mạnh phát triển sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng lường trước những khó khăn như tình hình cạnh tranh ngày càng phức tạp, nguyên phụ liệu trong nước chưa đáp ứng cho nhu cầu, các đơn hàng nhỏ lẻ, thời hạn thanh toán cho các khách hàng lớn thường dài... dẫn đến năng suất thấp và tăng chi phí. Đặc biệt tình hình dịch bệnh tại Trung Quốc và lan rộng ra nhiều nước đang diễn ra rất phức tạp, dự kiến sẽ ảnh hưởng lớn đến tiến độ cung cấp nguyên liệu cũng như nhu cầu về các đơn hàng may mặc trong năm 2020.

Trên cơ sở nhận định tình hình nêu trên, HĐQT đề ra các chỉ tiêu quản trị vốn, tài sản và mức phân phối lợi nhuận cho kế hoạch năm 2020 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ	% / Cùng kỳ	Tổng Cty (hợp nhất)	% / Cùng kỳ
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	25	93	36	97
2	Khấu hao cơ bản	Tỷ Đ	17	98	26	100
3	Tổng giá trị đầu tư	Tỷ Đ	50	483	55	438
4	Tổng tài sản	Tỷ Đ	500	101	520	100
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	192,5	103	210	104
6	Mức chi cổ tức	Tỷ Đ	13,12	100	/	/
7	Tỷ lệ chi cổ tức	%	12	100	/	/

Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD nêu trên và định hướng đầu tư phát triển của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

- Chỉ đạo về hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - + Giao nhiệm vụ cho Ban điều hành cần phải quyết liệt hơn nữa thực hiện các biện pháp để tăng năng suất lao động nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - + Ban điều hành cần cải cách mạnh về tiền lương, HĐQT chấp nhận tăng chi phí nhân công và các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật để thu hút lao động và tuyển được lao động tăng năng lực sản xuất.
 - + Tiếp tục đầu tư có trọng tâm gắn liền với đánh giá hiệu quả trước khi đầu tư.
 - + Đầu tư cho hoạt động đánh giá để đạt yêu cầu nhằm ký kết đơn hàng trực tiếp với khách hàng lớn, giảm qua khâu trung gian trong sản xuất xuất khẩu.
- Về kế hoạch chia cổ tức năm 2020 ở mức 12% (khoảng 13,12 tỷ đồng).
- Tuân thủ các thủ tục và hoạt động công bố thông tin minh bạch khi cổ phiếu Công ty đã giao dịch trên sàn Upcom.
- Sắp xếp lại bộ máy và cán bộ quản lý, điều hành trong Tổng Công ty; tiếp tục tìm nhân lực mới nhằm bầu làm thành viên HĐQT không điều hành, và Trưởng Ban kiểm soát theo yêu cầu của Điều lệ mới.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 29/4/2017, Đại hội đã bầu HĐQT. CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai gồm 5 thành viên sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có)	Năm sinh	Trình độ	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Bùi Thế Kích	CT/TGD	1963	ĐH. Kinh tế	AA7-Thất Sơn, P.15, Q.10, Tp.HCM	2.810.808 2.354.682	25,7% 21,5%	- Đ/điện vốn NN - Vốn cá nhân
2	Vũ Đức Dũng	TV.HĐQT/ P.TGD	1969	Kỹ sư cơ khí/ĐH. Kinh tế	662/2A Sư Vạn Hạnh, P.12 Q.10 Tp.HCM	509.515	4,66%	
3	Nguyễn Thị Bích Thủy	TV.HĐQT/ P.TGD	1970	ĐH. QTKD	192/2, Kp4, Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai	125.506	1,15%	
4	Nguyễn Thanh Hoài	TV.HĐQT/ GĐĐH	1974	Kỹ sư CN. May/ĐH. Kinh tế	16, Đường 25, KP2, P. Bình	92.163	0,8%	

					Trung Tây, Q.2 Tp.HCM			
5	Phạm Hữu Úy	TV.HDQT	1965	ĐH. Kinh tế	583, Kp2, An Bình, Biên Hòa, ĐN	248.853	2,28%	

Trong đó:

- 4/5 thành viên là thành viên điều hành của Tổng Công ty với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, một thành viên không thuộc ban điều hành.

- Có 5/5 thành viên nắm giữ chức danh là thành viên HĐQT tại các Công ty khác.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện mới chỉ có Ban Quản lý cổ phiếu với 2 thành viên thực hiện công tác quản lý cổ phiếu, danh sách cổ đông.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty hiện có 05 thành viên. Các thành viên HĐQT hiện nay đa số đều là thành viên kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty nên có thuận lợi là có trách nhiệm trong quản lý và điều hành, thống nhất ý trí nhanh và linh hoạt trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều đủ thành phần, tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật, ban hành đầy đủ nghị quyết sát thực tế và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành triển khai thực hiện; đảm bảo giám sát chặt chẽ, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Các cuộc họp và kết luận, nghị quyết của HĐQT sau các cuộc họp trong năm 2019:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	63/NQ- HĐQT	02/03/ 2019	Thông qua kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019; thông qua việc chi tạm ứng cổ tức năm 2018; thông qua quyết định chọn đ/v kiểm toán BCTC 2018; thông qua KH tổ chức đại hội cổ đông 2018, thông qua một số nội dung khác về SXKD.
2	74/QĐ- HĐQT	08/03/ 2019	Quyết định thực hiện giao dịch tín dụng theo hạn mức với NH TMCP Công thương Việt nam, chi nhánh KCN Biên hòa.
3	158/NQ- HĐQT	06/04/ 2019	Thống nhất công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019.
4	317/NQ- HĐQTMĐN	29/05/ 2019	Quyết định thực hiện giao dịch tín dụng theo hạn mức với NH TMCP Ngoại thương Việt nam, chi nhánh Biên hòa.
5	433/NQ- HĐQT	03/08/ 2019	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng/2019, tình hình SXKD 6 tháng cuối năm 2019 và các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm. Tình hình đầu tư CCN Hưng Lộc.
6	503/NQ- HĐQT	21/10/ 2019	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2019 của TCT và các Cty thành viên, Cty liên kết; dự kiến KQ SXKD của TCT cả năm 2019; các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2019. Tình hình thị trường 2020 và các biện pháp thực hiện KH SXKD 2020.
7	521/QĐ- HĐQT	28/11/ 2019	Quyết định về tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019.
8	545/QĐ- HĐQT	23/12/ 2019	Quyết định về việc giảm sở hữu tại CTCP Đồng Việt Phú

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Ban quản lý cổ phiếu tiếp tục phát huy hoạt động quản lý cổ đông, cổ phần cổ phiếu, kịp thời giải quyết các vướng mắc cho cổ đông; tham mưu cho HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và đặc biệt đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) trong việc chốt sổ, thực hiện quyền của cổ đông.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 29/4/2017, Đại hội đã bầu Ban Kiểm soát CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai gồm 3 thành viên sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Tổng Công ty	Năm sinh	Trình độ	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Phạm Xuân Tâm	TB.KS	1974	Cử nhân Luật	58/4A Nam Hòa, P.Phước Long A, Q.9, Tp.HCM	0	0%
2	Vũ Lan Thương	TV.BKS	1978	Kỹ sư nữ công DH. SPKT	14 – Đ. Tô Vĩnh Diện, P.Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp. HCM	173.682	1,59%
3	Nguyễn Thị Mỹ Lợi	TV.BKS	1982	Cử nhân TCKT	172C/14, tổ 28 Kp2, Trảng Dài, Biên Hòa, ĐN	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của HĐQT, Ban TGD và các cấp quản lý của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Cty May Đồng Nai trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Tổng Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, của ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Tổng Công ty May Đồng Nai, đảm bảo phù hợp với quy trình triển khai thực hiện theo kế hoạch.

- Tham gia các buổi họp của Ban Lãnh đạo Tổng Công ty trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư hàng quý, năm. Kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và quyết định của Tổng Giám đốc phù hợp với tình hình thực tế Công ty.

- Xem xét Báo cáo tài chính hàng Quý, 6 tháng và cả năm 2019 trước khi kiểm toán và sau khi kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm 2019 như sau:

- + Chủ tịch HĐQT (b/q) : 10.000.000 đồng/ tháng.
- + Các thành viên HĐQT (b/q) : 5.000.000 đồng/ tháng (x4TV).
- + Trưởng ban Kiểm soát B/Q : 3.666.000 đồng/ tháng.
- + Thành viên Ban Kiểm soát : 2.000.000 đồng/ tháng (x 2 TV).

- Tổng cộng thù lao HĐQT + BKS năm 2019 : 452.000.000 đồng/ năm (= 100% cùng kỳ).

- Tổng lương, thưởng của các thành viên ban điều hành trong năm 2019: 2.010.943.000 đồng= 102% cùng kỳ (chỉ tính 4 thành viên, 1 thành viên ban điều hành hưởng lương và thưởng tại Công ty con ở phía Bắc, không có tiền thưởng tại Tổng Công ty).

* Trong năm 2019 Tổng Công ty đã chi các khoản thù lao và tiền thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý cổ phiếu và tiền thưởng Ban TGD là: 1,0165 tỷ (không tính lương) = 132% so cùng kỳ (770 triệu đồng), chiếm tỷ lệ 4,7 % lợi nhuận sau thuế, thấp hơn mức cho phép theo Điều lệ với tỷ lệ được phép chi là 10% lợi nhuận sau thuế.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2019:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Vũ Đức Dũng	TV.HĐQT/ P.TGD	491.965	4,50%	509.515	4,66%
2	Phạm Xuân Tâm	TB.KS	41.448	0,38%	0	0%
3	Bùi Thế Hiệp	CD nội bộ	221.956	2,02%	317.469	2,90%
4	Nguyễn Khắc Biểu	CD lớn & CD nội bộ	603.985	5,52%	647.033	5,92%

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty: Tổng Công ty đang từng bước tuân theo quy định về quản trị công ty công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai (Báo cáo riêng) năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai và các Công ty con năm 2019, đã được kiểm toán bởi: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN), địa chỉ: 29 – Hoàng Sa, Quận 1, Tp.HCM – theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã lựa chọn.

Sau khi kết thúc kiểm toán, đơn vị kiểm toán đã có Báo cáo kiểm toán số 63/BCKT/TC, ngày 16/03/2020 và số 64/BCKT/TC ngày 16/03/2020 và đưa ra ý kiến, xác nhận Báo cáo tài chính như sau:

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất (...riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (...riêng) của Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Trong Báo cáo kiểm toán năm 2019 không có điểm ngoại trừ.

Toàn văn “Báo cáo tài chính CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ - CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai và các Công ty con năm 2019”, đã được kiểm toán, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy

định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được niêm yết công khai tại các Website qua các đường link sau:

<http://donagamex.com.vn/mdn.html>

<http://congbothongtin.ssc.gov.vn/idsPortal/thongtincongbo/index.ubck?cTDCThongTinCoSo=12548;>

https://www.hnx.vn/cophieu-etfs/chi-tiet-chung-khoan-uc-MDN.html?des_tab=1;

Báo cáo tài chính đồng thời cũng lưu trữ tại Trụ sở CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai – Đường số 2, Khu CN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đề nghị quý cổ đông tham khảo theo chỉ dẫn nêu trên.

Trên đây là toàn văn Báo cáo thường niên 2019 của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai, được công bố đến quý cổ đông và các bên liên quan theo quy định.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nơi nhận:

- Các TV.HĐQT, BKS, Ban TGD;
- UB.CKNN (SSC) – b/c;
- Sở GD&ĐT Hà Nội (HNX) – b/c;
- Tập đoàn Vinatex (để b/c);
- Niêm yết Website của UB.CKNN: www.ssc.gov.vn;
- Niêm yết Website của Sở GD&ĐT HN: www.hnx.vn;
- Niêm yết Website của TCty: www.donagamex.com.vn;
- Lưu VT, P.TCKT, Thư ký TCty.

Bùi Thế Hịch